

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2020/HC-ST

Ngày: 30/9/2020

V/v “Khiếu kiện quyết định hành
chính về việc bồi thường, hỗ trợ
tái định cư khi thu hồi đất và
khiếu kiện quyết định giải quyết
khiếu nại”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Đức Thành
2. Bà Thạch Thị Hai

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Tòa
án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Bé - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh
Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 07/2020/TLST-HC
ngày 06 tháng 01 năm 2020 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành hình về việc bồi
thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và quyết định giải quyết khiếu
nại*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2020/QĐXXST-HC ngày 17 tháng 8
năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2020/QĐXXST-HC ngày 04 tháng 9
năm 2020, giữa:

- Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1945; địa chỉ: Số x đường ĐX y,
khu n, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Huỳnh Văn H, sinh năm
1969; địa chỉ: Số N, tổ U, khu M, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (theo Giấy
ủy quyền ngày 12/10/2019); có mặt.

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương;
2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương;

Địa chỉ: Số S đường Q, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. **Người đại
diện hợp pháp của người bị kiện:** Trước đây là ông Nguyễn Sĩ N, chức vụ: Phó chủ
tịch Ủy ban nhân dân thành phố T (theo Quyết định số 456/QĐ-UBND ngày
10/3/2020 và Quyết định số 500/QĐ-UBND ngày 16/3/2020). Hiện nay là ông Võ Chí

T, chức vụ: Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T (theo Quyết định số 2432/QĐ-UBND ngày 05/8/2020 và Quyết định số 2446/QĐ-UBND ngày 05/8/2020); có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 11/9/2019; đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 27/12/2019 và ngày 28/7/2020, người khởi kiện bà Nguyễn Thị L (gọi tắt là bà L) cũng như người đại diện hợp pháp của bà L yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy Quyết định số 2221/QĐ-UBND ngày 27/6/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố T “về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình Nhà nước”; Quyết định số 5353/QĐ-UBND ngày 23/12/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc “phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị L, địa chỉ: Số K, tổ T, khu phố R, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương”; Quyết định số 3538/QĐ-UBND ngày 03/5/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T “về việc cưỡng chế thực hiện Quyết định số 4879/QĐ-UBND ngày 18/11/2013 của UBND thành phố T về việc thu hồi đất thuộc một phần thửa 1111, 1110, 1109 (thửa mới 02), tờ bản đồ số 28 tại phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương; Quyết định số 2171/QĐ-UBND ngày 16/6/2015 của UBND thành phố T về việc điều chỉnh Quyết định số 4879/QĐ-UBND ngày 18/11/2013; Quyết định số 3056/QĐ-UBND ngày 24/9/2015 của UBND thành phố T về việc điều chỉnh Quyết định số 2171/QĐ-UBND ngày 16/6/2015” và Quyết định số 2721/QĐ-UBND ngày 11/9/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T “về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị L”. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố T xem xét, giải quyết bồi thường theo đơn giá thị trường thực tế tại thời điểm ban hành quyết định thu hồi đất, vì các lý do: Năm 2013, Ủy ban nhân dân thành phố T thu hồi đất nhưng lại áp giá bồi thường, hỗ trợ tái định cư theo Quyết định số 32/2007/QĐ-UBND ngày 29/3/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương “về việc ban hành đơn giá bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất thuộc công trình Quy hoạch xây dựng khu Thương mại, dịch vụ, dân cư Đ, thị xã T, tỉnh Bình Dương” là không phù hợp. Trong khi đó, Công văn số 3457/UBND-KTTH ngày 17/11/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương “Thu hồi chủ trương khu Thương mại, dịch vụ, dân cư Đ”; sau đó, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương mới ban hành Quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 17/02/2012 “về việc phê duyệt phương án sử dụng đất khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình Nhà nước tại phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương”, nhưng Ủy ban nhân dân thành phố T không áp giá bồi thường, hỗ trợ tái định cư theo phương án được phê duyệt năm 2012 mà lại căn cứ vào các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương, gồm: Quyết định số 32/2007/QĐ-UBND ngày 29/3/2007; Quyết định số 95/2007/QĐ-UBND ngày 24/8/2007 “về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 32/2007/QĐ-UBND ngày 29/3/2007”; Quyết định số 110/2007/QĐ-UBND ngày 16/10/2007 “về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 95/2007/QĐ-UBND ngày 24/8/2007”; Quyết định số 1262/QĐ-UBND ngày 04/5/2010 “về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 32/2007/QĐ-UBND ngày 29/7/2007” và Quyết định số 2452/QĐ-UBND ngày 06/9/2012 “về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 22/2008/QĐ-UBND ngày 24/6/2008” làm thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà L. Theo Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư số 60/PA-KQHBV ban hành kèm theo Quyết định số 5353/QĐ-UBND ngày 23/12/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố T thì đơn giá bồi thường đất nông nghiệp cho bà L là 647.000 đồng/m², trong khi giá đất thực tế thị trường tại thời điểm thu hồi đất là 5.500.000 đồng/m² (bút lục 31).*

* *Tại Văn bản số 1075/UBND-NC ngày 29/5/2020 về việc ý kiến đối với vụ khiếu kiện quyết định hành chính theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị L, người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T trình bày: Nguồn gốc phần đất diện tích 1.299m² thuộc thửa đất số 1111; 1110, 1109 (thửa mới 02), tờ bản đồ số 28 tại phường Đ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05 QSDĐ/ĐH ngày 11/3/1998 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T cấp cho bà Nguyễn Thị L nằm trong phạm vi giải tỏa thực hiện dự án: Khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình Nhà nước.*

Quá trình lập hồ sơ bồi thường và cưỡng chế thu hồi đất: Dự án Khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình Nhà nước tại phường Đ được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương phê duyệt phương án sử dụng đất tại Quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 17/02/2012; phê duyệt đơn giá bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất tại Quyết định số 2452/QĐ-UBND ngày 06/9/2012 “*về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 22/2008/QĐ-UBND ngày 24/6/2008*”; phê duyệt dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại Quyết định số 574/QĐ-UBND ngày 11/3/2013.

Thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án: Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số 2221/QĐ-UBND ngày 27/6/2013 “*về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình Nhà nước*”. Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố phối hợp cùng Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường Đ, Ủy ban nhân dân phường Đ và đại diện Ban quản lý Dự án Đầu tư xây dựng tỉnh đã nhiều lần vận động bà L cho kiểm kê đất và tài sản trên đất cũng như cung cấp các giấy tờ liên quan để lập hồ sơ bồi thường thực hiện Dự án, nhưng bà L không đồng ý. Ngày 13/5/2013, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định số 1619/QĐ-UBND “*về việc kiểm kê bắt buộc hiện trạng khuôn viên nhà, đất và tài sản gắn liền với đất để phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất đối với bà Nguyễn Thị L*”. Ngày 02/7/2013, Tổ kiểm kê tiến hành kiểm kê bắt buộc. Sau đó, Ủy ban nhân dân thành phố T đã ban hành các quyết định, gồm: Quyết định số 4879/QĐ-UBND ngày 18/11/2013 “*về việc thu hồi đất thuộc một phần thửa 1111; 1110; 1109 (thửa mới 02), tờ bản đồ số 28 tại phường Đ, thành phố T*”; Quyết định số 2171/QĐ-UBND ngày 16/6/2015 “*về việc điều chỉnh Quyết định số 4879/QĐ-UBND ngày 18/11/2013*”; Quyết định số 3056/QĐ-UBND ngày 24/9/2015 “*về việc điều chỉnh Quyết định số 2171/QĐ-UBND ngày 16/6/2015*” và Quyết định số 5353/QĐ-UBND ngày 23/12/2013 “*về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị L*”. Sau đó, Ủy ban nhân dân phường Đ đã tổ chức công bố, niêm yết các quyết định nêu trên cho bà L theo quy định, nhưng bà L không đồng ý với việc áp giá bồi thường, hỗ trợ nên không nhận tiền và không bàn giao mặt bằng. Sau nhiều lần vận động, bà L vẫn không đồng ý nhận tiền và bàn giao mặt bằng nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số 3538/QĐ-UBND ngày 03/5/2017 về việc cưỡng chế thực hiện các quyết định thu hồi đất nêu trên.

Về quá trình giải quyết khiếu nại: Ngày 05/7/2017, bà L có đơn khiếu nại gửi đến Ủy ban nhân dân thành phố T cho rằng: Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành đơn giá bồi thường không phù hợp, không công bằng, thiếu dân chủ, cửa quyền, ý thức, độc đoán và việc thực hiện áp giá bồi thường không tuân thủ theo trình tự quy định của pháp luật hiện hành; treo dự án đã hết hiệu lực theo quy định của Luật Đất đai “*trên 12 năm*”, gây thiệt hại nặng nề về kinh tế cho người dân có đất trong dự án. Qua đối thoại

ngày 22/8/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định số 2721/QĐ-UBND ngày 11/9/2018 “*về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị L*”, với nội dung: “*Bác đơn của bà Nguyễn Thị L, ngụ tại Số x đường ĐX y, khu n, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương khiếu nại UBND thành phố ban hành đơn giá bồi thường không phù hợp, không công bằng, không minh bạch, thiếu dân chủ, cửa quyền, ý thức, độc đoán và việc thực hiện áp giá bồi thường không tuân thủ theo trình tự quy định của pháp luật hiện hành thuộc Dự án Khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình Nhà nước; treo đã hết hiệu lực theo quy định của Luật Đất đai trên 12 năm gây thiệt hại nặng nề về kinh tế cho người dân có đất trong dự án. Lý do: Không có cơ sở để xem xét giải quyết*”.

Hiện nay, bà L có đơn khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, yêu cầu hủy các quyết định gồm: Quyết định số 2221/QĐ-UBND ngày 27/6/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố T “*về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình Nhà nước*”; Quyết định số 5353/QĐ-UBND ngày 23/12/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc “*phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị L, địa chỉ: Số K, tổ T, khu phố R, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương*”; Quyết định số 3538/QĐ-UBND ngày 03/5/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T và Quyết định số 2721/QĐ-UBND ngày 11/9/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T “*về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị L*”; buộc Ủy ban nhân dân thành phố T xem xét, giải quyết bồi thường theo đơn giá thị trường thực tế tại thời điểm ban hành quyết định thu hồi đất. Nhận thấy, việc Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ là đúng với đơn giá bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương phê duyệt tại Quyết định số 2452/QĐ-UBND ngày 06/9/2012 “*về việc phê duyệt đơn giá bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất (điều chỉnh bổ, bổ sung) để thực hiện Khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình Nhà nước*”; Quyết định số 2221/QĐ-UBND ngày 27/6/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố T “*về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án: Khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình Nhà nước*” là đúng quy định.

Qua kết quả thẩm tra, xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Ủy ban nhân dân thành phố T, nhận thấy: Trình tự, thủ tục thu hồi, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà L, Ủy ban nhân dân thành phố T đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, nhưng bà L vẫn không đồng ý. Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số 2721/QĐ-UBND ngày 11/9/2018 “*về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị L*” là phù hợp với quy định của pháp luật. Đề nghị, Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L.

Quá trình kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại, cũng như tại phiên tòa, do người đại diện hợp pháp của người bị kiện có đơn xin giải quyết vắng mặt nên các bên đương sự không thể đối thoại được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xác định: Bà L không khởi kiện đối với Quyết định số 4879/QĐ-UBND ngày 18/11/2013 “*về việc thu hồi đất thuộc một phần thửa 1111; 1110; 1109 (thửa mới 02), tờ bản đồ số 28 tại phường Đ, thành phố T*”; Quyết định số 2171/QĐ-UBND ngày 16/6/2015 “*về việc điều chỉnh Quyết định số 4879/QĐ-UBND ngày*

18/11/2013”; Quyết định số 3056/QĐ-UBND ngày 24/9/2015 “về việc điều chỉnh Quyết định số 2171/QĐ-UBND ngày 16/6/2015”.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương có ý kiến: Việc Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và còn trong thời hiệu khởi kiện. Quá trình giải quyết vụ án, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính. Về hướng giải quyết vụ án, nhận thấy: Quyết định số 32/2007/QĐ-UBND ngày 29/3/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành đơn giá bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất công trình: “*Quy hoạch xây dựng khu thương mại, dịch vụ, dân cư Đ, thị xã T, tỉnh Bình Dương*”, được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 95/2007/QĐ-UBND ngày 25/8/2007, theo đó: Tại điểm c. *Đất nông nghiệp ven Suối Cát*: Cách bờ suối trong phạm vi 50m là 140.000 đồng/m²; trên 50m là 130.000 đồng/m². Căn cứ Công văn số 3457/UBND-KHTH ngày 17/11/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc thu hồi chủ trương “*Quy hoạch xây dựng khu thương mại, dịch vụ, dân cư Đ, thị xã T, tỉnh Bình Dương*” và ban hành Quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 17/02/2012 phê duyệt phương án sử dụng đất: “*Khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình của Nhà nước*” có tổng diện tích 181,3 ha. Ngày 06/9/2012, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 2452/QĐ-UBND phê duyệt đơn giá bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất để thực hiện công trình, theo đó những hộ dân chưa nhận tiền bồi thường, hỗ trợ về đất thì sẽ được hỗ trợ lãi suất tiền gửi ngân hàng và chỉ số trượt giá từ tháng 5/2011 đến tháng 10/2012 là 31,32%; cụ thể, sau khi hỗ trợ 32% thì đơn giá bồi thường như sau: “b. *Đơn giá bồi thường, hỗ trợ đất nông nghiệp: Cách HLBVĐB trong phạm vi 50m là 647.000 đồng/m² (giá cũ là 498.800 đồng/m²); trên 50m là 578.000 đồng/m² (giá cũ là 440.000 đồng/m²)*”. Theo Quyết định số 574/QĐ-UBND ngày 11/3/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: “*Khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình của nhà nước*” và Quyết định số 2221/QĐ-UBND ngày 27/6/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố T phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thì đơn giá bồi thường, hỗ trợ về đất ở, đất nông nghiệp là đúng giá tại Quyết định số 2452/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương. Về chính sách hỗ trợ đất tái định cư: “*Hộ gia đình, cá nhân khi bị Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp, lâm nghiệp sẽ được hỗ trợ đất ở theo quy định mức sau: 10.000m² đất sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp bị thu hồi sẽ được hỗ trợ 360m² đất ở trong khu tái định cư. Trường hợp diện tích đất bị thu hồi lớn hơn hoặc nhỏ hơn sẽ tính theo tỷ lệ tương ứng... Người nhận đất tái định cư hỗ trợ từ đất nông nghiệp bị thu hồi phải nộp chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng, kỹ thuật là 1.000.000 đồng/m² (điểm d Phần III của Phương án được ban hành kèm theo Quyết định 2221/QĐ-UBND ngày 27/6/2013)*. Do đó, Quyết định số 2221/QĐ-UBND ngày 27/6/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc phê duyệt đơn giá bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất để thực hiện công trình “*Khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình nhà nước*”, áp đơn giá bồi thường, hỗ trợ đất nông nghiệp cách HLBVĐB trong phạm vi 50m là 647.000 đồng/m² là đúng quy định. Theo “*phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư*” cho bà L thì bà L được bồi thường, hỗ trợ cụ thể: 1.299m² đất nông nghiệp x 647.000 đồng/m² = 840.453.000 đồng; cây và hoa màu: 16.896.000 đồng; tổng cộng: 857.349.000 đồng. Hoán đổi tái định cư: Do đất của bà L bị thu hồi là đất nông nghiệp nên không được bố trí tái định cư, nhưng được hoán đổi 1.299m² x 3,6% = 47m²; tuy nhiên, bà L phải nộp số tiền là

47.000.000 đồng là đúng quy định tại Công văn số 3457/UBND-KHTH ngày 17/11/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc thu hồi chủ trương “*Quy hoạch xây dựng khu thương mại, dịch vụ, dân cư Đ, thị xã T, tỉnh Bình Dương*”, Quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 17/02/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt phương án sử dụng đất “*Khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình của Nhà nước*” và Luật Đất đai năm 2013. Việc bà L khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 2221/QĐ-UBND ngày 27/6/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc phê duyệt đơn giá bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất để thực hiện công trình “*Khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình nhà nước*” là không có căn cứ.

Đối với yêu cầu hủy các Quyết định số 5353, 3538 và 2721, nhận thấy: Ngày 23/12/2013, Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số 5353/QĐ-UBND phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho bà L số tiền 857.349.000 đồng và ấn định trong thời hạn 05 ngày đến Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố T nhận số tiền trên, nhưng không hoán đổi tái định cư $1.299\text{m}^2 \times 3,6\% = 47\text{m}^2$ cho bà L là trái quy định tại Phần III của Phương án bồi thường ban hành kèm theo Quyết định số 2221/QĐ-UBND ngày 27/6/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố T; trái phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư số 60/PA-KQHBV do Ủy ban nhân dân thành phố T lập. Ngoài ra, quyết định trên bồi thường diện tích đất 1.299m^2 cho bà L theo đơn giá 647.000 đồng/ m^2 (vị trí 1 đường giao thông và đường bờ Suối) là trái quy định và không phù hợp với thực tế. Vì: Năm 2009, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương thực hiện công trình “*Đường cao tốc Mỹ Phước - Tân Vạn qua địa phận xã Đ*”; theo đó, Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T đã thu hồi của bà L $1.181,9\text{m}^2$ thuộc một phần thửa đất số 1109, 1110 và 1111 tại vị trí tiếp giáp đường đá dăm, sỏi đỏ và áp giá bồi thường cho bà L theo đơn giá 560.000 đồng/ m^2 , bà L đã nhận tiền bồi thường và không có thắc mắc hay khiếu nại. Sau khi thu hồi diện tích $1.181,9\text{m}^2$ để thực hiện công trình “*Đường cao tốc Mỹ Phước - Tân Vạn qua địa phận xã Đ*” thì diện tích đất còn lại 1.299m^2 của bà L tiếp giáp mép đường Mỹ Phước - Tân Vạn từ năm 2009. Năm 2013, Ủy ban nhân dân thành phố T tiếp tục thu hồi diện tích 1.299m^2 , nhưng lập sơ đồ thu hồi đất xác định vị trí 1.299m^2 đất của bà L tiếp giáp đường giao thông nông thôn + Bờ suối 50m để áp giá 647.000 đồng/ m^2 (Trong khi Sơ đồ thu hồi đất lập ngày 02/7/2013, UBND thành phố T đo vẽ thể hiện rõ 1.299m^2 của bà L giáp mép đường Mỹ Phước - Tân Vạn) là không đúng hiện trạng thực tế, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà L. Do đó, Quyết định số 5353/QĐ-UBND ngày 23/12/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho bà L số tiền 857.349.000 đồng là trái quy định (không giải quyết 47m^2 đất tái định cư và áp giá đất nông nghiệp tiếp giáp đường giao thông nông thôn + bờ suối) nên Quyết định số 3538/QĐ-UBND ngày 03/5/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc cưỡng chế buộc bà L thực hiện quyết định thu hồi đất và Quyết định số 2721/QĐ-UBND ngày 11/9/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc giải quyết bác đơn khiếu nại của bà L là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, hủy các Quyết định số 5353, 3538 và 2721.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của người khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến của người bị kiện và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về hướng giải quyết vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án hành chính về việc *“Khiếu kiện quyết định hành hình trong việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư và quyết định giải quyết khiếu nại”*, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 của Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 14/9/2018, Thanh tra thành phố T công bố và bàn giao Quyết định số 2721/QĐ-UBND ngày 11/9/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T *“về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị L”* cho bà L. Ngày 12/9/2019, bà L có đơn khởi kiện là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính.

[3] Về nội dung, nhận thấy: Thửa đất số 1111, 1110, 1109 (thửa mới 02), tờ bản đồ số 28 tại phường Đ thuộc quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị L theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05 QSDĐ/ĐH ngày 11/3/1998 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T cấp. Năm 2007, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 32/2007/QĐ-UBND ngày 29/3/2007 *“về việc ban hành đơn giá bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất thuộc công trình Quy hoạch xây dựng khu Thương mại, dịch vụ, dân cư Đ, thị xã T, tỉnh Bình Dương”* thì phần đất diện tích 1.299m² của bà L nằm trong phạm vi giải tỏa thực hiện dự án: Khu Thương mại, dịch vụ, dân cư Đ. Ngày 17/11/2011, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Công văn số 3457/UBND-KHTH ngày 17/11/2011 *“về việc thu hồi chủ trương: Quy hoạch xây dựng khu thương mại, dịch vụ, dân cư Đ, thị xã T, tỉnh Bình Dương”*. Đến ngày 17/02/2012, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 423/QĐ-UBND *“phê duyệt phương án sử dụng đất: Khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình của Nhà nước”* có tổng diện tích 181,3ha. Ngày 06/9/2012, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 2452/QĐ-UBND *“về việc phê duyệt đơn giá bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất (điều chỉnh bổ, bổ sung) để thực hiện Khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình Nhà nước tại phường Đ”*. Đến ngày 11/3/2013, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 574/QĐ-UBND *“về việc phê duyệt dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho Khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình Nhà nước”* là đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của bà L, nhận thấy: Thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án theo các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương, Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số 2221/QĐ-UBND ngày 27/6/2013 *“về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình Nhà nước”* là có căn cứ, phù hợp với Quyết định số 2452/QĐ-UBND ngày 06/9/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương. Sau đó, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố T phối hợp cùng Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường Đ, Ủy ban nhân dân phường Đ và đại diện Ban quản lý Dự án Đầu tư xây dựng tỉnh Bình Dương đã nhiều lần vận động yêu cầu bà L cho kiểm kê đất và tài sản trên đất, cũng như cung cấp các giấy tờ liên quan để lập hồ sơ bồi thường, nhưng bà L không đồng ý. Ngày 13/5/2013, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định số 1619/QĐ-UBND *“về việc kiểm kê bắt buộc hiện trạng khuôn viên nhà, đất và tài sản gắn liền với đất để phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất đối với bà Nguyễn Thị L”*. Sau đó khi

tiến hành kiểm kê bắt buộc, Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số 4879/QĐ-UBND ngày 18/11/2013 “*về việc thu hồi đất thuộc một phần thửa 1111; 1110; 1109 (thửa mới 02), tờ bản đồ số 28 tại phường Đ, thành phố T*” (bút lục 109, 110); Quyết định số 2171/QĐ-UBND ngày 16/6/2015 “*về việc điều chỉnh Quyết định số 4879/QĐ-UBND ngày 18/11/2013*”; Quyết định số 3056/QĐ-UBND ngày 24/9/2015 “*về việc điều chỉnh Quyết định số 2171/QĐ-UBND ngày 16/6/2015*” là có căn cứ, đúng quy định tại các Điều 39, 40, 44 của Luật Đất đai năm 2003; các Điều 62, 63, 66 của Luật Đất đai năm 2013. Do đất của bà L bị thu hồi là 1.299m² đất nông nghiệp nên không được bố trí tái định cư, tuy nhiên được hoán đổi 3,6% là 47m² đất thổ cư nhưng bà L phải nộp số tiền 47.000.000 đồng là đúng theo phương án đã được phê duyệt. Việc bà L khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 2221/QĐ-UBND ngày 27/6/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố T “*về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình Nhà nước*” là không có căn cứ.

[5] Xét Quyết định số 5353/QĐ-UBND ngày 23/12/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố T “*về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị L*”, nhận thấy: Năm 2009, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương thực hiện công trình “*Đường Cao tốc Mỹ Phước - Tân Vạn qua địa phận xã Đ*”; theo đó, Ủy ban nhân dân thành phố T đã thu hồi của bà L 1.181,9m² đất thuộc một phần thửa đất số 1109, 1110 và 1111; vị trí diện tích đất 1.181,9m² của bà L thời điểm đó tiếp giáp đường mặt đá dăm sỏi đỏ nên bà L đã nhận tiền bồi thường và không khiếu nại. Sau khi thu hồi diện tích 1.181,9m² để thực hiện công trình “*Đường Cao tốc Mỹ Phước - Tân Vạn qua địa phận xã Đ*” thì diện tích đất 1.299m² còn lại của bà L tiếp giáp đường Mỹ Phước - Tân Vạn; thời điểm Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định số 1619/QĐ-UBND ngày 13/5/2013 “*về việc kiểm kê bắt buộc hiện trạng khuôn viên nhà, đất và tài sản gắn liền với đất để phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất đối với bà Nguyễn Thị L*” thì đường Mỹ Phước - Tân Vạn đã hoàn thành và đưa vào sử dụng; chứng cứ thể hiện tại Sơ đồ thu hồi đất ngày 02/7/2013 (bút lục 26). Tuy nhiên, Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư số 60/PA-KQHBV của Trung tâm Phát triển Quỹ đất xác định: Đất của bà L bị thu hồi là 1.299m² đất nông nghiệp, thuộc một phần thửa 1111; 1110; 1109, tờ bản đồ số 28 phường Đ để thực hiện công trình “*Khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình nhà nước*”, đất có vị trí “*(cách hành lang đường bộ trong phạm vi 50m), Đường giao thông nông thôn, bờ Suối*” (bút lục 27), từ đó áp giá bồi thường theo đơn giá là 647.000 đồng/m² là không đúng hiện trạng thực tế, làm ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của bà L. Bởi lẽ, theo “*ghi chú*” tại Sơ đồ thu hồi đất lập ngày 02/7/2013 thể hiện: “*Diện tích thu hồi đất lấy theo diện tích ghi trên GCNQSDĐ trích lục từ Văn phòng ĐKQSDĐ, diện tích này sẽ được điều chỉnh khi chủ hộ cung cấp giấy CNQSDĐ và các giấy tờ liên quan*”. Việc Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số 5353/QĐ-UBND ngày 23/12/2013 “*về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ của bà Nguyễn Thị L*” số tiền 857.349.000 đồng (bút lục 59) theo đơn giá đất 647.000 đồng/m² là trái với Quyết định số 2452/QĐ-UBND ngày 06/9/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương và mục III Phần E của “*Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư*” ban hành kèm theo Quyết định số 2221/QĐ-UBND ngày 27/6/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố T (không giải quyết 47m² đất tái định cư và áp giá đất nông nghiệp tại vị trí tiếp giáp đường giao thông nông thôn, bờ suối). Tại Văn bản 1946/UBND-VP ngày 28/9/2020, Ủy ban nhân dân thành phố T cũng không giải trình được lí do vì sao trong

nội dung Quyết định số 5353/QĐ-UBND ngày 23/12/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố T không ghi diện tích đất thổ cư mà bà L được hoán đổi và xác định “*Theo các quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư của dự án quy hoạch xây dựng Khu Thương mại Dịch vụ Dân cư Đ trước đây và Khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình Nhà nước sau này đều không có vị trí bồi thường đất tính theo đường Mỹ Phước - Tân Vạn*” nên xác định theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không phù hợp với thực tế. Do đó, việc bà L khởi kiện và đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị hủy Quyết định số 5353/QĐ-UBND ngày 23/12/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố T là có căn cứ chấp nhận.

[6] Xét Quyết định số 3538/QĐ-UBND ngày 03/5/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, nhận thấy: Sau khi nhận được quyết định thu hồi đất của Ủy ban nhân dân thành phố T, bà L không có ý kiến phản đối việc thu hồi đất để thực hiện dự án. Quá trình khiếu nại cũng như khởi kiện, bà L chỉ có ý kiến cho rằng: Ủy ban nhân dân thành phố T áp giá bồi thường, hỗ trợ về đất chưa thỏa đáng nên bà L không đồng ý nhận tiền và không bàn giao mặt bằng. Sau nhiều lần vận động, bà L vẫn không đồng ý nhận tiền và bàn giao mặt bằng nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số 3538/QĐ-UBND ngày 03/5/2017 về việc cưỡng chế thực hiện các quyết định thu hồi diện tích đất 1.299m² để thực hiện dự án công trình “*Khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình nhà nước*” là có căn cứ, đảm bảo đúng quy định tại khoản 1 Điều 70 và Điều 71 của Luật Đất đai năm 2013. Hiện nay, việc cưỡng chế thu hồi đất đã thực hiện xong; mặt khác, theo đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bà L xác định: Bà L không khởi kiện yêu cầu hủy đối với Quyết định số 4879/QĐ-UBND ngày 18/11/2013 “*về việc thu hồi đất thuộc một phần thửa 1111; 1110; 1109 (thửa mới 02), tờ bản đồ số 28 tại phường Đ, thành phố T*”; Quyết định số 2171/QĐ-UBND ngày 16/6/2015 “*về việc điều chỉnh Quyết định số 4879/QĐ-UBND ngày 18/11/2013*”; Quyết định số 3056/QĐ-UBND ngày 24/9/2015 “*về việc điều chỉnh Quyết định số 2171/QĐ-UBND ngày 16/6/2015*”. Do đó, việc người đại diện hợp pháp của bà L và đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị hủy Quyết định số 3538/QĐ-UBND ngày 03/5/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T là không có căn cứ.

[7] Theo như phân tích tại mục [5], nhận thấy: Quyết định số 5353/QĐ-UBND ngày 23/12/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố T “*về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị L*” số tiền 857.349.000 đồng, theo đơn giá đất 647.000 đồng/m² là trái với nội dung Quyết định số 2452/QĐ-UBND ngày 06/9/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương và mục III Phần E của “*Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư*” ban hành kèm theo Quyết định số 2221/QĐ-UBND ngày 27/6/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố T. Bà L không đồng ý nên khiếu nại, nhưng Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số 2721/QĐ-UBND ngày 11/9/2018 “*về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị L*” là không có căn cứ. Do đó, người đại diện hợp pháp của bà L và đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị hủy Quyết định số 2721/QĐ-UBND ngày 11/9/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T là có căn cứ.

[8] Từ những phân tích và lập luận nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận một phần.

[9] Về án phí hành chính sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà L được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần nên người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, các Điều 130, 157, 164, 191, 193, 194, 204, 206, 345, 348 của Luật Tổ tụng hành chính; Điều 39, 40, 44, 55, 56 của Luật Đất đai năm 2003; các Điều 62, 63, 66, khoản 1 Điều 70, Điều 71 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đối với Ủy ban nhân dân thành phố T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Hủy Quyết định số 5353/QĐ-UBND ngày 23/12/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố T “*về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị L, địa chỉ: Số K, tổ T, khu phố R, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương*” và Quyết định số 2721/QĐ-UBND ngày 11/9/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T “*về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị L*”.

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố T thực hiện nhiệm vụ xem xét, giải quyết bồi thường cho bà Nguyễn Thị L theo đúng quy định tại thời điểm ban hành quyết định thu hồi đất.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu hủy Quyết định số 2221/QĐ-UBND ngày 27/6/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố T “*về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình Nhà nước*” và Quyết định số 3538/QĐ-UBND ngày 03/5/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T “*về việc cưỡng chế thực hiện các quyết định thu hồi đất*”.

3. Về án phí hành chính sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị L không phải chịu. Hoàn trả cho bà L số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0027249 ngày 03/01/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

Ủy ban nhân dân thành phố T phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

4. Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo luật định./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh Bình Dương;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- Lưu: Tòa HC, HCTP, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Đắc Cường
(đã ký)